

HOÀN THIỆN KHUNG THỂ CHẾ BÁO CÁO BỀN VỮNG: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ GIẢI PHÁP CHO CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TẠI VIỆT NAM

BÙI KHẮC HOÀI PHƯƠNG

Trường Đại học Quảng Bình

Quang Binh University

Ngày nhận bài: 14/7/2026

Ngày sửa bài: 28/7/2026

Ngày duyệt đăng bài: 14/8/2026

Tóm tắt:

Minh bạch hóa thông tin về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) là những yêu cầu quan trọng đối với doanh nghiệp trong quá trình hội nhập vào chuỗi giá trị toàn cầu. Nghiên cứu này, đánh giá trên cơ sở tổng hợp các yêu cầu quốc tế, thể chế trong nước và những rào cản thực tiễn của SMEs, đề xuất lộ trình thực thi ESG gồm 3 giai đoạn: xây dựng nền tảng và thí điểm, chuẩn hóa và tích hợp ESG vào hoạt động quản trị, hoàn thiện, nâng cao chất lượng công bố thông tin và hội nhập với các chuẩn mực quốc tế. Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở tham khảo cho việc hoàn thiện chính sách hỗ trợ SMEs, đồng thời giúp doanh nghiệp từng bước nâng cao năng lực quản trị ESG, khả năng tiếp cận nguồn vốn và năng lực cạnh tranh trong bối cảnh chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh và bền vững.

Từ khóa: báo cáo bền vững, ESG, thể chế, doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), khung chuẩn mực quốc tế

Improving the institutional framework for sustainability reporting: International experience and solutions for small and medium-sized enterprises in Vietnam

Abstract:

Transparency in environmental, social, and governance (ESG) information is increasingly important for enterprises participating in global value chains. Based on a synthesis of international requirements, Vietnam's domestic institutional context, and practical barriers faced by small and medium-sized enterprises (SMEs), this study proposes a three-stage ESG implementation roadmap. The stages comprise building foundations and conducting pilot implementation; standardizing ESG practices and integrating them into corporate governance; and completing implementation, improving disclosure quality, and aligning progressively with international standards. The findings provide a reference for improving policies supporting SMEs while enabling enterprises to gradually strengthen ESG governance capacity, improve access to finance, and enhance competitiveness during the transition toward green and sustainable growth.

Keywords: sustainability reporting, ESG, institutions, small and medium-sized enterprises, international standards

1. Đặt vấn đề

Kể từ sau Hội nghị COP26 với cam kết đưa mức phát thải ròng về "0" (Net Zero) vào năm 2050, xu hướng phát triển bền vững đã chuyển từ một lựa chọn tự nguyện sang một yêu cầu mang tính ràng buộc đối với cộng đồng doanh nghiệp toàn cầu. Các thị trường xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam như Liên minh Châu Âu (EU), Hoa Kỳ và Nhật Bản đang từng bước luật hóa các yêu cầu công bố thông tin ESG thông qua các cơ chế pháp lý nghiêm ngặt như Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM), Chỉ thị Báo cáo Bền vững Doanh nghiệp (CSRD) và Chỉ thị Thảm định Chuỗi giá trị (CSDDD). Điều này đặt ra áp lực trực tiếp lên các doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, buộc họ phải minh bạch hóa thông tin phi tài chính nếu muốn duy trì vị thế trong mạng lưới sản xuất quốc tế. Song song với áp lực bên ngoài, giai đoạn 2025–2026 đánh dấu cột mốc 40 năm công cuộc Đổi mới của Việt Nam, mở ra yêu cầu cấp thiết về đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển dịch từ tăng trưởng theo chiều rộng dựa trên khai thác tài nguyên và lao động giá rẻ sang tăng trưởng theo chiều sâu, dựa trên năng suất, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Trong bối cảnh đó, việc hoàn thiện thể chế báo cáo bền vững không chỉ là yêu cầu về công bố thông tin, mà còn là một cấu phần thiết yếu của chiến lược tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng bền vững và có trách nhiệm. Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) chiếm hơn 97% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam, đóng góp đáng kể vào GDP, và là mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng cho các doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Đào Tuấn, 2025). Tuy nhiên, khác với các doanh nghiệp niêm yết hay tập đoàn đa quốc gia vốn đã có kinh nghiệm và nguồn lực để triển khai báo cáo ESG, phần lớn SMEs Việt Nam gần như đứng ngoài tiến trình chuyển đổi bền vững do những rào cản mang tính hệ thống. Một trong những hạn chế đáng chú ý hiện nay là Việt Nam chưa hình thành được một khung hướng dẫn báo cáo bền vững được thiết kế riêng cho SMEs. Các yêu cầu hiện hành chủ yếu được xây dựng cho doanh nghiệp đại chúng và doanh nghiệp niêm yết, trong khi khả năng đáp ứng về tài chính, nhân lực và hệ thống dữ liệu của SMEs có sự khác biệt đáng kể. Sự thiếu vắng một cơ chế báo cáo phù hợp với quy mô và mức độ sẵn sàng của SMEs vì vậy có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ và hạn chế khả năng doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng có yêu cầu cao về thông tin ESG. Vì vậy, việc nghiên cứu hoàn thiện thể chế báo cáo bền vững cho SMEs Việt Nam, dựa trên bài học kinh nghiệm quốc tế và thiết kế lộ trình thực thi mang tính cấp thiết cả về lý luận lẫn thực tiễn chính sách.

2. Nền tảng lý thuyết về ESG

Báo cáo bền vững là tài liệu chính thức do tổ chức hoặc doanh nghiệp phát hành nhằm công bố công khai các tác động kinh tế, môi trường và xã hội phát sinh từ hoạt động vận hành thường xuyên của đơn vị. Báo cáo đánh giá dựa trên ba trụ cột cốt lõi ESG: Môi trường (Environmental), Xã hội (Social) và Quản trị (Governance). Về mặt lý thuyết, báo cáo bền vững ở khu vực SMEs được giải thích thông qua ba nền tảng chính:

Lý thuyết các bên liên quan (Stakeholder Theory): Nhấn mạnh trách nhiệm giải trình của SME không chỉ đối với chủ sở hữu mà còn với khách hàng xuất khẩu, ngân hàng tài trợ vốn và cộng đồng.

Lý thuyết thể chế (Institutional Theory): Giải thích động cơ tuân thủ ESG của SME xuất phát từ áp lực cưỡng chế (từ quy định nhập khẩu của EU/Mỹ), áp lực mô phỏng (theo các doanh nghiệp dẫn đầu) và áp lực chuẩn tắc (từ hiệp hội ngành nghề).

Lý thuyết hợp pháp hóa (Legitimacy Theory): Việc công bố thông tin ESG giúp SME duy trì "giấy phép hoạt động xã hội" (social license to operate) và duy trì vị trí trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Báo cáo bền vững không đơn thuần là một công cụ truyền thông hay tiếp thị hình ảnh doanh nghiệp, đây là một công cụ quản trị chiến lược mang lại giá trị thiết thực trên nhiều phương diện.

Thứ nhất, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng tiếp cận vốn đầu tư. Các quỹ đầu tư quốc tế và tổ chức tín dụng ngày càng áp dụng tiêu chuẩn ESG khắt khe trong quy trình thẩm định và giải ngân. Doanh nghiệp có báo cáo bền vững minh bạch, đáng tin cậy sẽ có lợi thế đáng kể trong việc tiếp cận các khoản tín dụng xanh, trái phiếu xanh với điều kiện lãi suất ưu đãi hơn so với các doanh nghiệp không công bố thông tin ESG.

Thứ hai, giảm thiểu chi phí vốn. Nhiều nghiên cứu thực nghiệm trên thế giới chỉ ra rằng những doanh nghiệp quản trị tốt rủi ro ESG thường có mức rủi ro hệ thống thấp hơn, từ đó giúp giảm chi phí huy động vốn cổ phần lẫn vốn vay, đồng thời cải thiện định giá doanh nghiệp trên thị trường vốn.

Thứ ba, đối với khu vực SMEs tham gia chuỗi cung ứng, báo cáo bền vững ngày càng trở thành điều kiện tiên quyết để được lựa chọn làm nhà cung cấp cho các tập đoàn đa quốc gia, vốn phải thực hiện thẩm định chuỗi giá trị theo yêu cầu của các đạo luật như CSDDD của Liên minh Châu Âu.

3. Kinh nghiệm quốc tế về xây dựng thể chế báo cáo bền vững cho SMES trên thế giới

Liên minh Châu Âu là khu vực đi đầu thế giới trong việc thể chế hóa báo cáo bền vững thông qua Chỉ thị Báo cáo Bền vững Doanh nghiệp (CSRD) và bộ chuẩn mực ESRS. Điểm đáng chú ý nhất trong thiết kế thể chế của EU có giá trị tham chiếu trực tiếp cho Việt Nam là việc ban hành riêng hai bộ chuẩn mực đơn giản hóa dành cho SMEs: VSME ESRS cho doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa niêm yết và dự thảo khung chính sách ESRS LSME dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa niêm yết trên thị trường chứng khoán Châu Âu, dự kiến ban hành chính thức trong năm 2026. Hai bộ chuẩn mực này được thiết kế theo nguyên tắc "giảm nhẹ nhưng không loại trừ": số lượng chỉ số công bố được cắt giảm đáng kể so với ESRS đầy đủ, các yêu cầu về đánh giá trọng yếu được đơn giản hóa hoặc lược bỏ, song vẫn đảm bảo SMEs đáp ứng được yêu cầu thông tin từ các đối tác lớn trong chuỗi giá trị. Điều này phản ánh tác động lan tỏa từ Chỉ thị Thẩm định Độ cẩn trọng về Bền vững Doanh nghiệp, vốn buộc các tập đoàn lớn phải thu thập thông tin ESG từ toàn bộ chuỗi cung ứng. Cơ chế này gợi mở một nguyên lý thiết kế quan trọng: chuẩn mực đơn giản hóa cho SMEs không thể xây dựng biệt lập, mà phải đảm bảo tính liên thông dữ liệu với chuẩn mực đầy đủ trong toàn chuỗi giá trị.

Khác với cách tiếp cận mang tính ràng buộc pháp lý ngay từ đầu như EU, các quốc gia châu Á có xu hướng lựa chọn chiến lược lộ trình phân tầng theo quy mô và mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp, kết hợp với vai trò kiến tạo mạnh mẽ của Nhà nước trong việc cung cấp công cụ và hạ tầng hỗ trợ.

Tại Singapore, Sở Giao dịch Chứng khoán (SGX) đã áp dụng cơ chế báo cáo bền vững bắt buộc đối với doanh nghiệp niêm yết từ năm 2016 theo Quy định niêm yết 711A, ban đầu trên nguyên tắc tuân thủ hoặc giải trình rồi dần chuyển sang bắt buộc toàn diện đối với các cấu phần công bố cốt lõi (Singapore Exchange Regulation, 2016). Song song với quy định của SGX, cơ quan Enterprise Singapore và Singapore Economic Development Board triển khai chương trình tài trợ chi phí tư vấn ESG và cung cấp bộ công cụ đo lường carbon cho doanh nghiệp, trong đó SMEs là nhóm thụ hưởng chính (Enterprise Singapore & Singapore Economic Development Board, 2024).

Tại Nhật Bản, Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp (METI) phát triển các hướng dẫn báo cáo bền vững phân tầng theo quy mô doanh nghiệp, kết hợp với hệ thống "chuỗi cung ứng xanh", trong đó các tập đoàn lớn được khuyến khích hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp cho các nhà cung cấp SMEs của mình (Ministry of Economy, Trade and Industry, 2023). Tại Malaysia, xây dựng lộ trình báo cáo bền vững theo từng giai

đoạn, đồng thời phát triển nền tảng công cụ số hóa giúp SMEs tự đánh giá và lập báo cáo ESG cơ bản mà không cần thuê tư vấn bên ngoài (Securities Commission Malaysia, 2023).

Tại Hàn Quốc, Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng ban hành Hướng dẫn K-ESG dành cho chuỗi cung ứng, áp dụng theo nguyên tắc tự nguyện trong giai đoạn đầu và có lộ trình chuyển dần sang bắt buộc sau năm 2026 (Ministry of Trade, Industry and Energy, 2022). Bộ chỉ tiêu K-ESG được xây dựng theo hướng rút gọn đáng kể so với các khung báo cáo đầy đủ dành cho doanh nghiệp lớn, tập trung vào những nội dung có tính ứng dụng cao đối với năng lực thực tế của SMEs trong chuỗi cung ứng. Điểm đáng chú ý là Chính phủ Hàn Quốc gắn việc công bố K-ESG với các khoản tài trợ cụ thể cho từng hoạt động đo lường, thay vì cấp kinh phí đào tạo chung chung, giúp việc giải ngân minh bạch và dễ đánh giá hiệu quả hơn.

Điểm chung trong kinh nghiệm của các quốc gia châu Á bao gồm: một là, áp dụng nguyên tắc tự nguyện có định hướng trong giai đoạn đầu, tiến tới bắt buộc theo lộ trình rõ ràng. Hai là, đầu tư mạnh vào các chương trình hỗ trợ tài chính và công cụ tính toán tự động, tài liệu hướng dẫn đơn giản hóa do chính phủ hoặc hiệp hội ngành nghề cung cấp miễn phí hoặc với chi phí thấp. Ba là, gắn kết trách nhiệm hỗ trợ SMEs với các doanh nghiệp đầu chuỗi trong cùng ngành.

4. Khung thể chế và thực trạng thực thi báo cáo bền vững của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam

4.1. Khung thể chế và chính sách hỗ trợ tại Việt Nam

Hệ thống văn bản pháp lý liên quan đến báo cáo bền vững tại Việt Nam hiện nay được cấu thành từ nhiều quy định ở các lĩnh vực khác nhau, thay vì một khung pháp lý thống nhất. Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 đặt nền móng cho các yêu cầu về đánh giá tác động môi trường và quản lý phát thải. Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã lồng ghép yêu cầu công bố một số nội dung liên quan đến môi trường và xã hội, tuy nhiên đối tượng áp dụng chủ yếu là các công ty đại chúng, công ty niêm yết. Bên cạnh đó, Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn và Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn 2050 đã xác lập định hướng chính sách vĩ mô, tạo cơ sở cho việc xây dựng các công cụ thể chế cụ thể hơn trong thời gian tới.

Riêng đối với khu vực SMEs, có thể nhận diện những rào cản thể chế như sau:

Một là, thiếu một bộ tiêu chuẩn chuẩn mực, hướng dẫn báo cáo bền vững quốc gia thống nhất, có tính đến sự phân tầng theo quy mô doanh nghiệp, các quy định hiện hành phần lớn được thiết kế theo tư duy áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, lấy chuẩn của doanh nghiệp niêm yết làm cơ sở.

Hai là, thiếu hướng dẫn kỹ thuật riêng phù hợp với quy mô và nguồn lực của SMEs, đặc biệt là phương pháp đo lường phát thải khí nhà kính đơn giản hóa, các biểu mẫu báo cáo tối giản và hệ thống chỉ số đo lường rút gọn.

Ba là, cơ chế phối hợp liên ngành giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong thu thập, chuẩn hóa và quản lý dữ liệu ESG còn thiếu đồng bộ, dẫn đến tình trạng dữ liệu phân tán và chưa hình thành được cơ sở dữ liệu ESG quốc gia thống nhất, có khả năng chia sẻ và khai thác dùng chung.

4.2. Thực trạng thực thi báo cáo bền vững của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam

Về năng lực nhận thức, phần lớn SMEs Việt Nam vẫn tiếp cận khái niệm ESG và báo cáo bền vững ở mức độ sơ khai, thường đồng nhất với hoạt động trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) truyền thống hoặc coi đây là yêu cầu mang tính hình thức, đối phó thay vì một công cụ quản trị chiến lược. Khoảng cách giữa nhận thức và hành động thực tế còn khá lớn, đặc biệt tại các doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ và nhỏ.

Về rào cản thực hành, có thể tổng hợp thành bốn nhóm rào cản chính đối với SMEs:

Một là, chi phí tuân thủ cao: chi phí thuê tư vấn, kiểm toán độc lập và xây dựng hệ thống thu thập dữ liệu ESG vượt quá khả năng chi trả của phần lớn SMEs, trong khi lợi ích tài chính trực tiếp từ việc lập báo cáo chưa được nhận diện rõ ràng trong ngắn hạn.

Hai là, thiếu hụt nhân sự chuyên trách: đa số SMEs không có bộ phận hoặc nhân sự được đào tạo bài bản về ESG, kế toán bền vững hay quản trị rủi ro môi trường, xã hội, dẫn đến việc lập báo cáo thiếu chiều sâu, chưa đúng trọng tâm.

Ba là, thiếu dữ liệu đo lường, đặc biệt là dữ liệu phát thải khí nhà kính theo ba phạm vi (Scope 1, 2, 3): việc thiếu công cụ đo lường tự động, giá rẻ khiến SMEs gặp khó khăn ngay từ khâu thu thập dữ liệu đầu vào cho báo cáo.

Bốn là, thiếu động lực tài chính trực tiếp: trong bối cảnh chưa có cơ chế ưu đãi rõ ràng (thuế, phí, lãi suất tín dụng xanh) gắn với việc thực hiện báo cáo bền vững đạt chuẩn, nhiều SMEs chưa coi đây là một khoản đầu tư có lợi tức, mà đơn thuần là một khoản chi phí phát sinh.

5. Bài học thực tiễn cho doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam

Thứ nhất, đơn giản hóa chỉ tiêu là điều kiện tiên quyết, không phải một nhượng bộ tạm thời. Mỗi Mô-đun của tiêu chuẩn ESRS VSME và K-ESG đều xây dựng bộ chỉ tiêu rút gọn, dựa trên khảo sát thực tế mức độ sẵn sàng của SMEs, thay vì giảm bớt cơ học từ bộ chỉ tiêu đầy đủ của doanh nghiệp lớn. Việt Nam hiện chưa có một bộ chỉ tiêu tương tự được thiết kế riêng, khiến nhiều SME phải tự tìm hiểu vận dụng khung GRI hoặc ISSB vốn quá chi tiết so với năng lực của mình.

Thứ hai, tài trợ theo dự án cụ thể hiệu quả hơn hỗ trợ chung chung. Kinh nghiệm Hàn Quốc cho thấy việc gắn khoản tài trợ với một hoạt động đo lường được, như chẩn đoán ESG hay xây dựng báo cáo, giúp giải ngân minh bạch và dễ đánh giá hiệu quả hơn nhiều so với cấp kinh phí đào tạo rộng rãi.

Thứ ba, doanh nghiệp đầu chuỗi là kênh lan tỏa chi phí thấp mà Nhà nước chưa khai thác đúng mức. Kinh nghiệm của Nhật Bản cho thấy, thông qua các công cụ như ưu đãi thuế, hỗ trợ chi phí nâng cao năng lực cung cấp và cơ chế ưu tiên trong đấu thầu, Nhà nước có thể tạo động lực để các doanh nghiệp đầu chuỗi tăng cường đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong chuỗi cung ứng. Qua đó, một phần nguồn lực ngân sách được sử dụng như một “đòn bẩy” để huy động thêm nguồn lực tư nhân, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực quản trị và mở rộng liên kết giữa doanh nghiệp lớn với các SEMs trong chuỗi cung ứng. Tại Việt Nam, các doanh nghiệp FDI lớn trong ngành điện tử, dệt may hoàn toàn có năng lực kỹ thuật để hỗ trợ nhà cung cấp SME nội địa. Tuy nhiên, việc hình thành các chương trình liên kết và hỗ trợ nhà cung cấp còn thiếu tính hệ thống, trong khi các cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu chuỗi chủ động thực hiện hoạt động này vẫn chưa đủ mạnh. Vì vậy, chính sách hỗ trợ SME cần chuyển dần từ cách tiếp cận hỗ trợ trực tiếp từng doanh nghiệp sang tạo động lực cho doanh nghiệp đầu chuỗi dẫn dắt và lan tỏa năng lực trong toàn bộ chuỗi cung ứng.

Thứ tư, số hóa công cụ thu thập và tính toán dữ liệu có thể giúp giải quyết một trong những điểm nghẽn quan trọng nhất của các SME trong thực thi và báo cáo ESG. Kinh nghiệm của các quốc gia Singapore, Malaysia và EU đều ưu tiên phát triển công cụ tính toán phát thải tự động trước khi yêu cầu SME công bố thông tin, bởi khâu thu thập dữ liệu, chứ không phải khâu trình bày báo cáo, mới là nút thắt lớn nhất đối với doanh nghiệp thiếu nhân sự kỹ thuật. Do đó, việc Nhà nước cung cấp các nền tảng và công cụ số hóa miễn phí hoặc chi phí thấp có thể làm giảm đáng kể chi phí tuân thủ, đồng thời tạo nền tảng dữ liệu cần thiết để SME từng bước thực hiện đo lường, quản trị và công bố thông tin ESG.

Thứ năm, lộ trình tự nguyện có định hướng, thay vì cưỡng chế ngay, tạo dư địa để SME thích nghi mà

không gây gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh. Kinh nghiệm của Malaysia và Hàn Quốc đều lùi thời điểm bắt buộc nhiều lần dựa trên phản hồi thực tế từ cộng đồng doanh nghiệp. Điều này cho thấy tính linh hoạt trong điều chỉnh lộ trình quan trọng không kém bản thân nội dung chuẩn mực.

Mặc dù kinh nghiệm quốc tế cung cấp nhiều bài học có giá trị, việc áp dụng vào Việt Nam cũng cần xác định trước một số rủi ro. Lộ trình chuyển từ tự nguyện sang bắt buộc, nếu thực hiện quá nhanh so với năng lực hấp thụ của SMEs có quy mô siêu nhỏ, có thể khiến một bộ phận doanh nghiệp bị loại khỏi chuỗi cung ứng thay vì được hỗ trợ tham gia sâu hơn. Giải pháp xây dựng cơ sở dữ liệu ESG quốc gia cũng cần tránh chòng chéo với các hệ thống báo cáo hiện có của ngành thuế, ngân hàng và hải quan, nếu không sẽ làm tăng thêm gánh nặng tuân thủ thay vì giảm bớt.

6. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế và thúc đẩy báo cáo bền vững cho SMES tại Việt Nam

Hoàn thiện thể chế và chính sách: Xây dựng và ban hành Bộ Hướng dẫn Báo cáo Bền vững Đơn giản hóa dành riêng cho SMEs Việt Nam, trên cơ sở nội hóa có chọn lọc các chuẩn mực ISSB và GRI, tham chiếu trực tiếp mô hình VSME, LSME của EU, đảm bảo tính tương thích với yêu cầu thông tin từ các đối tác thương mại lớn. Ban hành cơ chế khuyến khích cụ thể: ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, giảm phí thẩm định hồ sơ tín dụng xanh và áp dụng mức lãi suất ưu tiên cho các SMEs thực hiện báo cáo bền vững đạt chuẩn, nhằm tạo động lực tài chính trực tiếp thay vì chỉ dừng ở yêu cầu mang tính hành chính. Tăng cường tính liên thông và đồng bộ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc thu thập, chia sẻ và khai thác dữ liệu ESG của doanh nghiệp, tiến tới xây dựng một cơ sở dữ liệu ESG quốc gia dùng chung, tránh tình trạng doanh nghiệp phải báo cáo trùng lặp cho nhiều đầu mối khác nhau.

Hỗ trợ các doanh nghiệp thực thi ESG: Phát triển hệ thống công cụ số hóa cho phép SMEs tự tính toán, đo lường lượng carbon và tự lập báo cáo bền vững cơ bản với chi phí thấp hoặc miễn phí, do các hiệp hội ngành nghề, tổ chức tài chính hoặc đơn vị công nghệ phối hợp cung cấp. Đẩy mạnh các chương trình đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự kế toán, kiểm toán và quản trị bền vững cho khối SMEs, gắn với các cơ sở giáo dục đại học và tổ chức nghề nghiệp, hướng tới hình thành đội ngũ chuyên gia tư vấn ESG chi phí hợp lý cho khu vực SMEs tại các địa phương. Khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp đầu chuỗi hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp cho các SMEs là nhà cung cấp của mình, theo mô hình "chuỗi cung ứng xanh" đã được áp dụng thành công tại Nhật Bản, qua đó lan tỏa năng lực thực hành ESG dọc theo chuỗi giá trị.

Khuyến nghị hành động đối với bản thân các SMEs: Tích hợp tư duy bền vững vào chiến lược kinh doanh dài hạn của doanh nghiệp, thay vì chỉ coi báo cáo ESG là một khoản chi phí tuân thủ mang tính đối phó với yêu cầu từ khách hàng hoặc cơ quan quản lý. Từng bước xây dựng hệ thống ghi nhận và lưu trữ dữ liệu phi tài chính (tiêu thụ năng lượng, phát sinh chất thải, chỉ số lao động) gắn liền và đồng bộ với hệ thống kế toán, tài chính hiện hành của doanh nghiệp, tạo nền tảng dữ liệu sẵn sàng cho việc lập báo cáo khi yêu cầu thể chế được luật hóa đầy đủ trong các giai đoạn tiếp theo. Trên cơ sở phân tích thực trạng thể chế và tham chiếu kinh nghiệm quốc tế, tác giả đề xuất một lộ trình thể chế hóa báo cáo bền vững cho SMEs Việt Nam theo ba giai đoạn như sau:

Lộ trình thực thi ESG cho các SMEs Việt Nam:

Trên cơ sở phân tích thực trạng thể chế và tham chiếu kinh nghiệm quốc tế, tác giả đề xuất một lộ trình thể chế hóa báo cáo bền vững cho SMEs Việt Nam theo ba giai đoạn, được trình bày chi tiết trong bảng dưới đây, đi từ xây dựng nền tảng và thí điểm, chuyển sang chuẩn hóa và tích hợp, tới hoàn thiện và hội nhập với chuẩn mực quốc tế.

Bảng 1. Lộ trình thực thi ESG cho các SMEs Việt Nam

Giai đoạn	Chính sách	Hành động thực thi của SMEs	Mục tiêu và kết quả cần đạt được
Giai đoạn 1: Xây dựng nền tảng và thí điểm (2026-2030)	Ban hành Khung Báo cáo Bền vững Đơn giản hóa cho SME (dựa trên VSME EU & GRI). Ra mắt Nền tảng Tính toán Carbon Quốc gia miễn phí. Thí điểm tại các ngành xuất khẩu chủ lực (Dệt may, Da giày, Đồ gỗ, Nông sản).	Năm 1: Đào tạo nội bộ, kiểm kê Scope 1 & 2 theo ISO 14064-1, tuân thủ Luật lao động. Năm 2: Đầu tư tiết kiệm năng lượng, lập hồ sơ vay Tín dụng xanh, trả lời bảng hỏi ESG đối tác. Năm 3: Xuất bản Báo cáo ESG Cơ bản theo chuẩn VSME/GRI.	100% SME xuất khẩu có dữ liệu phát thải Scope 1 và 2. Giảm 5-10% tiêu thụ năng lượng. Giữ vững đơn hàng xuất khẩu sang các quốc gia EU, Mỹ
Giai đoạn 2: Chuẩn hóa và tích hợp ESG vào hoạt động quản trị, kinh doanh (2030 - 2035)	Bắt buộc báo cáo ESG đối với SME tham gia chuỗi cung ứng FDI và công trình công. Kết nối cơ sở dữ liệu ESG giữa các cơ quan quản lý, ngân hàng. Áp dụng ưu đãi Thuế TNDN xanh	Mở rộng kiểm kê phát thải sang Scope 3. Đầu tư năng lượng tái tạo (điện mặt trời mái nhà), công nghệ sản xuất tuần hoàn. Phát hành Báo cáo Bền vững chuẩn GRI đầy đủ	50% SMEs cả nước thực hành báo cáo ESG. Dễ dàng tiếp cận các gói tín dụng xanh ưu đãi lãi suất. Đạt chuẩn kiểm định CBAM toàn diện
Giai đoạn 3: Hoàn thiện, nâng cao chất lượng công bố thông tin và hội nhập với các chuẩn mực quốc tế (Sau năm 2035)	Luật hóa nghĩa vụ báo cáo ESG đối với toàn bộ khu vực doanh nghiệp vừa (tiến tới doanh nghiệp nhỏ). Xây dựng Thị trường Trao đổi Tín chỉ Carbon nội địa hoạt động hoàn chỉnh.	Tích hợp ESG toàn diện vào chiến lược quản trị cốt lõi. Tự động hóa 100% quá trình thu thập dữ liệu ESG qua IoT/AI. Mua bán tín chỉ carbon trên sàn giao dịch	Chuyển đổi hoàn toàn sang mô hình kinh doanh xanh, tuần hoàn. Đóng góp trực tiếp vào mục tiêu Net Zero 2050 của Quốc gia

7. Kết luận

Sau 40 năm Đổi mới, việc hoàn thiện thể chế báo cáo bền vững giữ vai trò then chốt đối với mục tiêu chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh và bền vững của Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Kinh nghiệm quốc tế từ Liên minh Châu Âu và các quốc gia châu Á cho thấy rằng thể chế hóa báo cáo bền vững thành công đòi hỏi sự kết hợp giữa một lộ trình phân tầng linh hoạt và vai trò kiến tạo chủ động của Nhà nước trong việc cung cấp hạ tầng dữ liệu, công cụ hỗ trợ. Khung thể chế báo cáo bền vững cho SMEs không nên được tiếp cận như một gánh nặng tuân thủ, mà cần được thiết kế như một công cụ đòn bẩy chiến lược, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng khả năng tiếp cận vốn xanh và đảm bảo vị thế bền vững của doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Thành công của lộ trình này phụ thuộc không

nhỏ vào việc thiết kế bước đi phù hợp với năng lực hấp thụ thực tế của từng nhóm SME, tạo đòn bẩy giúp các doanh nghiệp thuận lợi tiếp cận nguồn vốn tín dụng xanh, nâng cao năng nguồn lực và tham gia sâu vào chuỗi cung ứng ■

Lời cảm ơn:

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ thuộc Trường Đại học Quảng Bình thông qua khoản tài trợ số CS.08.2026.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Tài chính. (2020). Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đào Tuấn. (2025). Công nghệ số - Giải pháp vốn rẻ và linh hoạt cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Báo điện tử Chính phủ. <https://media.chinhphu.vn/cong-nghe-so-giai-phap-von-re-va-linh-hoat-cho-doanh-nghiep-nho-va-vua-102250808213354507.htm>.

European Financial Reporting Advisory Group. (2025). Voluntary sustainability reporting standard for non-listed SMEs (VSME): Technical advice to the European Commission.

European Commission. (2022). Corporate Sustainability Reporting Directive (Directive (EU) 2022/2464).

European Commission. (2024). Corporate Sustainability Due Diligence Directive (Directive (EU) 2024/1760).

European Financial Reporting Advisory Group. (2024). Exposure draft ESRS for listed SMEs (ESRS LSME ED).

Enterprise Singapore & Singapore Economic Development Board. (2024). Sustainability Reporting Grant (SRG).

International Sustainability Standards Board. (2023). IFRS S1: General requirements for disclosure of sustainability-related financial information. IFRS Foundation.

International Sustainability Standards Board. (2023). IFRS S2: Climate-related disclosures. IFRS Foundation.

Ministry of Trade, Industry and Energy. (2022). Supply Chain K-ESG Guidelines (Supply Chain Due Diligence Guidelines for SMEs). Ministry of Trade, Industry and Energy (MOTIE), Republic of Korea.

Ministry of Economy, Trade and Industry. (2023). Basic Policy for the Realization of GX (Green Transformation). Ministry of Economy, Trade and Industry (METI), Japan.

Quốc hội. (2020). Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.

Global Reporting Initiative. (2021). GRI 1: Foundation 2021; GRI 2: General Disclosures 2021; GRI 3: Material Topics 2021. Global Reporting Initiative.

Securities Commission Malaysia. (2023). Simplified ESG disclosure guide.

Thủ tướng Chính phủ. (2022). Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2022 phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

Thủ tướng Chính phủ. (2021). Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

World Bank. (2018). Enhancing enterprise competitiveness and SME linkages: Lessons from international and national experience. World Bank.